



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO
KHOA HÒA PHÁT**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách giáo khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000201 ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/11/2010 với số đăng ký mới là 0400459486.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là HTP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

Vốn điều lệ: 18.049.800.000 đồng. Trong đó:

- Vốn của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: 21,14%
- Các cổ đông khác: 78,86%

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 157 Tôn Đức Thắng, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0511. 3841257
- Fax: (84) 0511. 3841258

Ngành nghề kinh doanh chính

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;
- Nhập khẩu vật tư thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất, kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư thiết bị ngành in;
- Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất, kinh doanh thiết bị, dụng cụ giáo dục;
- Kinh doanh vận tải hàng, vận tải khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh nhà và dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh;
- Bán buôn sách.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 99 người, trong đó nhân viên gián tiếp là 12 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Phan Quang Thân | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Bà Trần Thị Vi Hiến | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Bà Đinh Châu Tâm Hạnh | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Lê Bích Ngọc | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 15/04/2009 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Ngọc Dũng | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 15/04/2009 |
| • Bà Nguyễn Thị Tuyết | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Bà Phạm Thị Thu Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 15/04/2009 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|--------------------------|
| • Ông Phan Quang Thân | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02/01/2004 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 31/01/2005 |
| • Bà Đinh Châu Tâm Hạnh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 17/11/2005 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Phan Quang Thân
Đà Nẵng, ngày tháng 8 năm 2013



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính

Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887

Email: aac@dng.vnn.vn

Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349

Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: /BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013 được lập ngày 05/8/2013 của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 23. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2013, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

Phan Xuân Vạn

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ hành nghề số Đ.0102-2013-010-1

Ngô Thị Kim Anh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ hành nghề số 1100-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.240.345.490	12.042.683.737
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.704.443.766	5.093.440.335
1. Tiền	111		204.443.766	293.440.335
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	4.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.500.000.000	3.400.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	2.500.000.000	3.400.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.129.882.450	2.783.517.963
1. Phải thu khách hàng	131		4.122.905.924	2.581.217.539
2. Trả trước cho người bán	132		-	64.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135	7	37.109.026	168.432.924
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(30.132.500)	(30.132.500)
IV. Hàng tồn kho	140		860.324.652	736.660.930
1. Hàng tồn kho	141	8	860.324.652	736.660.930
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		45.694.622	29.064.509
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	14.562.946
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	45.694.622	14.501.563
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.688.909.235	9.762.260.453
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.908.523.154	6.841.858.556
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.299.383.154	6.222.218.556
- Nguyên giá	222		24.365.112.423	24.490.260.012
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.065.729.269)	(18.268.041.456)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	609.140.000	619.640.000
- Nguyên giá	228		609.140.000	627.140.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(7.500.000)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	5.700.148.014	2.792.991.476
1. Đầu tư dài hạn khác	258		5.917.698.214	3.034.010.876
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(217.550.200)	(241.019.400)
V. Tài sản dài hạn khác	260		80.238.067	127.410.421
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	80.238.067	127.410.421
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		22.929.254.725	21.804.944.190

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.444.279.652	2.065.164.068
I. Nợ ngắn hạn	310		3.444.279.652	2.065.164.068
1. Phải trả người bán	312		1.170.380.787	576.543.169
2. Người mua trả tiền trước	313		72.917.259	5.511.240
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	454.767.720	271.652.846
4. Phải trả người lao động	315		1.557.863.235	955.063.927
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	200.310.900	241.746.685
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(11.960.249)	14.646.201
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.484.975.073	19.739.780.122
I. Vốn chủ sở hữu	410		19.484.975.073	19.739.780.122
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	18.049.800.000	18.049.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	16	(60.093.500)	(60.093.500)
3. Cổ phiếu quỹ	414	16	(914.353.746)	(914.353.746)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	16	975.982.823	975.982.823
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	16	916.194.510	889.299.380
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	517.444.986	799.145.165
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		22.929.254.725	21.804.944.190

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Phan Quang Thân

Đinh Châu Tâm Hạnh

Lê Quang Đình Thịnh

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu Năm 2013 VND	6 tháng đầu Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	17	8.646.781.064	10.298.788.360
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	17	8.646.781.064	10.298.788.360
4. Giá vốn hàng bán	11	18	6.998.843.893	8.863.821.367
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		1.647.937.171	1.434.966.993
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	607.025.838	730.426.408
7. Chi phí tài chính	22	20	(23.469.200)	(53.453.590)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	5.923.610
8. Chi phí bán hàng	24		33.373.866	22.519.706
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.489.413.248	1.426.048.817
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		755.645.095	770.278.468
11. Thu nhập khác	31		836.362	2.454.544
12. Chi phí khác	32	21	53.033.000	56.600.000
13. Lợi nhuận khác	40		(52.196.638)	(54.145.456)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	22	703.448.457	716.133.012
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	165.545.856	184.512.055
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	22	537.902.601	531.620.957
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	327	313

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Phan Quang Thân

Đinh Châu Tâm Hạnh

Lê Quang Đình Thạnh

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kế toán 6 tháng đầu năm 2013

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu Năm 2013 VND	6 tháng đầu Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	8.007.907.755	10.873.707.666
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(3.125.044.891)	(3.720.842.637)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.178.651.188)	(3.301.837.604)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(9.726.388)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(127.844.639)	(120.861.226)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	140.868.103	837.643.923
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.215.452.456)	(1.717.733.622)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	501.782.684	2.840.350.112
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(5.131.620)	(1.834.112.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.883.687.338)	(4.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	900.000.000	5.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	733.692.505	778.466.630
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.255.126.453)	(55.645.370)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	(442.252.461)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	2.050.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(2.550.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(635.652.800)	(1.188.936.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(635.652.800)	(2.131.188.461)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.388.996.569)	653.516.281
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.093.440.335	7.356.031.124
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.704.443.766	8.009.547.405

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Phan Quang Thân

Đinh Châu Tâm Hạnh

Lê Quang Dĩnh Thạnh

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 8 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách giáo khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000201 ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/11/2010 với số đăng ký mới là 0400459486.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là HTP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc, thiết bị	3 – 10

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.9 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.11 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng:
 - ✓ Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động in ấn, cắt rọc.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.12 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

4.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	129.003.178	7.836.767
Tiền gửi ngân hàng	75.440.588	285.603.568
Tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	3.500.000.000	4.800.000.000
Cộng	3.704.443.766	5.093.440.335

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay	700.000.000	1.600.000.000
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	1.800.000.000	1.800.000.000
Cộng	2.500.000.000	3.400.000.000

7. Các khoản phải thu khác

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu về cổ phần hóa	6.400.000	8.380.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	126.666.667
Phải thu khác	30.709.026	33.386.257
Cộng	37.109.026	168.432.924

8. Hàng tồn kho

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	780.232.359	583.529.294
Chi phí SX, KD dở dang	62.989.797	114.005.385
Hàng hóa	17.102.496	39.126.251
Cộng	860.324.652	736.660.930

9. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	45.694.622	14.501.563
Cộng	45.694.622	14.501.563

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.641.745.010	18.285.294.443	515.413.858	47.806.701	24.490.260.012
Mua sắm trong kỳ	62.846.927	-	-	-	62.846.927
Giảm theo TT 45	-	140.187.815	-	47.806.701	187.994.516
Số cuối kỳ	5.704.591.937	18.145.106.628	515.413.858	-	24.365.112.423
Khấu hao					
Số đầu năm	2.961.118.876	14.743.702.021	515.413.858	47.806.701	18.268.041.456
Khấu hao trong kỳ	297.379.096	673.779.560	-	-	971.158.656
Giảm theo TT 45	-	125.664.142	-	47.806.701	173.470.843
Số cuối kỳ	3.258.497.972	15.291.817.439	515.413.858	-	19.065.729.269
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.680.626.134	3.541.592.422	-	-	6.222.218.556
Số cuối kỳ	2.446.093.965	2.853.289.189	-	-	5.299.383.154

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.922.193.701 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình nào đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	609.140.000	18.000.000	627.140.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm theo TT 45	-	18.000.000	18.000.000
Số cuối kỳ	609.140.000	-	609.140.000
Khấu hao			
Số đầu năm	-	7.500.000	7.500.000
Khấu hao trong kỳ	-	2.715.473	2.715.473
Giảm theo TT 45	-	10.215.473	10.215.473
Số cuối kỳ	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	609.140.000	10.500.000	619.640.000
Số cuối kỳ	609.140.000	-	609.140.000

(*) Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 157 Tôn Đức Thắng, Thành phố Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng	30/06/2013 VND	Số lượng	31/12/2012 VND
Cho vay dài hạn	-	5.303.785.614	-	2.420.098.276
- Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	5.303.785.614	-	2.420.098.276
Đầu tư cổ phiếu	48.108	613.912.600	48.108	613.912.600
- Công ty CP Sách - Thiết bị trường học TP. HCM	24.000	375.152.000	24.000	375.152.000
- Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	308	7.414.800	308	7.414.800
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển giáo dục Đà Nẵng	4.200	94.345.800	4.200	94.345.800
- Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Quảng Ngãi (i)	6.000	60.000.000	6.000	60.000.000
- Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Miền Trung (i)	3.000	30.000.000	3.000	30.000.000
- Công ty CP Học liệu Hà Nội	10.600	47.000.000	10.600	47.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (ii)		(217.550.200)		(241.019.400)
Cộng	48.108	5.700.148.014	48.108	2.792.991.476

(i) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm cuối kỳ. Do đó, giá trị của các cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

(ii) Là dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục tại Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Học liệu Hà Nội. Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục tại Đà Nẵng là chênh lệch giữa giá gốc và giá giao dịch bình quân của các cổ phiếu này tại phiên cuối cùng của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013 tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với số lượng các cổ phiếu Công ty đang nắm giữ. Riêng Công ty Cổ phần Học liệu Hà Nội thì Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQĐHCD ngày 17/11/2012 của Công ty Cổ phần Học liệu giáo dục Hà Nội về phương án giải thể: Công ty Cổ phần In Hoà Phát đã được nhận khoản hoàn vốn đợt 1 số tiền 53.000.000 đồng (tương đương 5.000 đồng/cổ phiếu và sẽ được hoàn trả phần vốn còn lại vào ngày 30/06/2013 sau khi thu hồi công nợ và thanh lý tài sản. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần In Hoà Phát vẫn chưa được hoàn trả phần vốn còn lại nên Công ty đã lập dự phòng 100% giá trị chưa thu hồi được của khoản đầu tư này.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí quảng cáo	-	7.000.000
Công cụ dụng cụ	51.277.397	59.797.414
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	28.960.670	60.613.007
Cộng	80.238.067	127.410.421

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	343.790.796	199.541.937
Thuế thu nhập doanh nghiệp	101.474.537	63.773.320
Thuế thu nhập cá nhân	9.502.387	8.337.589
Cộng	454.767.720	271.652.846

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	57.711.343	92.657.502
Bảo hiểm xã hội	62.573.485	-
Phải trả về cổ phần hoá	8.380.000	8.380.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	71.646.072	140.709.183
- Cổ tức phải trả	7.682.000	6.580.000
- Phải trả khác	63.964.072	134.129.183
Cộng	200.310.900	241.746.685

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2012	18.049.800.000	(60.093.500)	(426.930.000)	975.982.823	852.015.239	1.467.643.194
Tăng trong năm	-	-	(487.423.746)	-	37.284.141	745.682.816
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	1.414.180.845
Số dư tại 31/12/2012	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	975.982.823	889.299.380	799.145.165
Số dư tại 01/01/2013	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	975.982.823	889.299.380	799.145.165
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	26.895.130	537.902.601
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	819.602.780
Số dư tại 30/06/2013	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	975.982.823	916.194.510	517.444.986

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Vốn đầu tư của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	3.816.000.000	3.816.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.639.800.000	12.639.800.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	1.594.000.000	1.594.000.000
Cộng	18.049.800.000	18.049.800.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2013 Cổ phiếu	31/12/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu thường	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	159.400	159.400
- Cổ phiếu thường	159.400	159.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.645.580	1.645.580
- Cổ phiếu thường	1.645.580	1.645.580
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	799.145.165	1.467.643.194
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	537.902.601	745.682.816
Phân phối lợi nhuận	819.602.780	1.414.180.845
Phân phối lợi nhuận năm trước	658.232.000	1.190.476.000
- Trả cổ tức	658.232.000	1.190.476.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay (*)	161.370.780	223.704.845
- Trích quỹ dự phòng tài chính	26.895.130	37.284.141
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	134.475.650	186.420.704
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	517.444.986	799.145.165

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 số 01/ĐHCĐ ngày 14/4/2013 và tạm phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2013 theo Điều lệ Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Doanh thu

	6 tháng đầu Năm 2013 VND	6 tháng đầu Năm 2012 VND
Tổng doanh thu	8.646.781.064	10.298.788.360
+ Doanh thu in ấn, cắt rọc	7.851.718.264	7.256.000.666
+ Doanh thu khác	795.062.800	3.042.787.694
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.646.781.064	10.298.788.360

18. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu Năm 2013 VND	6 tháng đầu Năm 2012 VND
Giá vốn in ấn, cắt rọc	6.459.335.705	6.264.125.817
Giá vốn hoạt động khác	539.508.188	2.599.695.550
Cộng	6.998.843.893	8.863.821.367

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu Năm 2013 VND	6 tháng đầu Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	587.817.838	695.741.608
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.208.000	34.684.800
Cộng	607.025.838	730.426.408

20. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu Năm 2013 VND	6 tháng đầu Năm 2012 VND
Chi phí đi vay	-	5.923.610
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(23.469.200)	(59.377.200)
Cộng	(23.469.200)	(53.453.590)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Chi phí khác

	6 tháng đầu Năm 2013 VND	6 tháng đầu Năm 2012 VND
Chi phí quản lý niêm yết, chốt danh sách cổ đông	15.022.000	25.000.000
Nộp phạt thuế	-	
Chi phí khác	38.011.000	31.600.000
Cộng	53.033.000	56.600.000

22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu Năm 2013 VND	6 tháng đầu Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	703.448.457	716.133.012
- Từ hoạt động xuất bản	72.117.057	(70.201.530)
- Từ hoạt động khác	631.331.400	786.334.542
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	33.825.000	21.915.200
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	53.033.000	56.600.000
- Điều chỉnh giảm (Cổ tức lợi nhuận được chia)	19.208.000	34.684.800
Tổng thu nhập chịu thuế	737.273.457	738.048.212
- Từ hoạt động xuất bản	125.150.057	(13.601.530)
- Từ hoạt động khác	612.123.400	751.649.742
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	165.545.856	184.512.055
- Từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (10%)	12.515.006	
- Từ hoạt động khác (25%)	153.030.850	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	537.902.601	531.620.957

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu Năm 2013 VND	6 tháng đầu Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	537.902.601	531.620.957
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	537.902.601	531.620.957
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.645.580	1.700.070
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	327	313

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Công cụ tài chính

a) Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch ngoại tệ và không có nợ vay, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Công ty trong Tập đoàn Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.170.380.787	-	1.170.380.787
Phải trả khác	80.026.072	-	80.026.072
Cộng	1.250.406.859	-	1.250.406.859
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	576.543.169	-	576.543.169
Phải trả khác	149.089.183	-	149.089.183
Cộng	725.632.352	-	725.632.352

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro về tính thanh khoản. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền để đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.704.443.766	-	3.704.443.766
Phải thu khách hàng	4.092.773.424	-	4.092.773.424
Đầu tư tài chính	2.500.000.000	5.700.148.014	8.200.148.014
Phải thu khác	37.109.026	-	37.109.026
Cộng	10.334.326.216	5.700.148.014	16.034.474.230
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.093.440.335	-	5.093.440.335
Phải thu khách hàng	2.551.085.039	-	2.551.085.039
Đầu tư tài chính	3.400.000.000	2.792.991.476	6.192.991.476
Phải thu khác	168.432.924	-	168.432.924
Cộng	11.212.958.298	2.792.991.476	14.005.949.774

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu Năm 2013 VND	6 tháng đầu Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.529.557.756	1.440.862.077
Chi phí nhân công	3.868.966.514	3.938.736.571
Chi phí khấu hao tài sản cố định	973.874.129	771.860.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	617.156.948	646.577.256
Chi phí khác bằng tiền	1.481.060.072	3.517.500.353
Cộng	8.470.615.419	10.315.536.300

26. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là in ấn sách giáo khoa và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

27. Thông tin về các bên liên quan

a. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Mối quan hệ	6 tháng đầu Năm 2013 VND	6 tháng đầu Năm 2012 VND
Giá trị hàng bán			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	445.672.511	207.489.899
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Công ty đầu tư	6.957.209.401	5.415.999.926
Công ty CP Đầu tư và phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	1.093.236.905	1.305.667.560
Công ty CP SGD tại TP Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	203.721.432	295.851.122
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	8.202.500	13.616.250
Mua hàng			
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Công ty mẹ	7.509.058	54.741.081
Công ty CP Đầu tư và phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	81.146.905	203.702.961
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	89.412.561	579.922.937
Công ty CP In và dịch vụ Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	88.268.455	473.000
Cho vay dài hạn			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	2.883.687.338	-
Thu hồi nợ gốc vay ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	900.000.000	1.000.000.000

b. Số dư với các bên có liên quan tại ngày khóa sổ kế toán

	Mối quan hệ	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	340.116.858	152.944.347
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Công ty đầu tư	3.290.671.883	1.994.784.437
Công ty CP Đầu tư và phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	107.407.134	145.317.134
Công ty CP SGD tại TP Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	50.903.218	181.786
Phải trả			
Công ty CP In và dịch vụ Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	88.268.455	-
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	54.801.061	-
Phải thu về nợ gốc cho vay ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	700.000.000	1.600.000.000
Phải thu về nợ gốc cho vay dài hạn			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	5.303.785.614	2.420.098.276

28. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

29. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Phan Quang Thân

Đinh Châu Tâm Hạnh

Lê Quang Dĩnh Thạnh

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 8 năm 2013